

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST

Ngày: 19 - 4 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

2. Ông **Đỗ Xuân Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Ngô Thái Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Tổng Văn P, sinh năm: 1981, tại Q, Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn (nay là phường) Đ, huyện (nay là thành phố) Q, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh, trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Văn S (đã chết) và bà Lê Thị G, vợ Trương Thị Đ (đã ly hôn) có 02 người con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/01/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 08 năm tù về tội Giết người. (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phụng: Bà **Tổng Thị H**, sinh năm 1972 (chị ruột bị cáo) (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn D – Văn phòng Luật sư Ngọc D – Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người làm chứng: Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố 7, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/02/2020, Công an huyện Q, tỉnh Kiên Giang tiến hành làm việc với Tổng Văn P về hành vi giết người xảy ra vào khoảng 10 giờ cùng ngày. Qua đó, Tổng Văn P khai nhận đang tàng trữ 02 (hai) cây súng, đạn và một số hung khí khác như dao bấm, kiếm, gậy ba khúc,... trong phòng của P thuộc khu phố 7, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Kiên Giang. Qua vận động, Tổng Văn P và bà Lê Thị G (mẹ ruột của P) đã giao nộp những vật chứng trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện Q (Bút lục số 52, 53).

Trong quá trình điều tra, Tổng Văn P khai nhận: Vào cuối năm 2017, thông qua mạng xã hội Facebook, Tổng Văn P liên hệ với một người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) đặt mua súng và nhìn thấy qua ảnh có cây súng bằng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765 đẹp nên Tổng Văn P đồng ý mua cùng với khoảng 18 viên đạn với số tiền là 4.000.000 đồng. Người bán yêu cầu P cho địa chỉ để giao hàng và chuyển tiền trước. Tổng Văn P chuyển tiền cho người bán trước 2.000.000 đồng trên điện thoại di động, nhưng không nhớ số tài khoản. Khoảng 10 ngày sau, nhân viên giao hàng của hành xe (P không nhớ hành xe nào) đến nhà của P (tại khu phố 7, thị trấn Đ, huyện Q) giao 01 gói bưu phẩm và P thanh toán số tiền còn lại cho người giao hàng.

Sau đó, P đem vào nhà mở ra thấy 01 khẩu súng màu đen, có ký hiệu 17Q08765 và đạn, rồi đem vào phòng ngủ cất giấu trong tủ đựng quần áo. Khoảng cuối năm 2019, P lấy khẩu súng và đạn ra phía sau hành lang nhà bắn thử 02 lần, trong đó có 01 lần thì bà Lê Thị G phát hiện và hỏi “Súng ở đâu mà có”, P trả lời “Mua trên mạng”, sau đó, P đem súng và đạn vào phòng ngủ cất giấu cho đến ngày tự nguyện giao nộp vật chứng trên.

*** Vật chứng thu giữ tại nhà của P, gồm có:**

- 01 (một) cây súng bằng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765.
- 01 (một) cây súng bằng kim loại màu đen.
- 17 (mười bảy) viên đạn có thân màu vàng đồng, đầu đạn màu xám chưa qua sử dụng.
- 01 (một) cây súng bằng kim loại màu đen, trong hộp tiếp đạn có 01 (một) lọ cón.
- 02 (hai) hộp cón, bên trong gồm có 09 (chín) lọ cón màu trắng bằng kim loại.
- 189 (một trăm tám mươi chín) viên bi kim loại hình cầu, màu trắng.

- 01 (một) cây kim loại (loại 3 khúc), trên gậy có ghi 5:11 TACTICAL BATON26, dài 60cm.

- 01 (một) cây đèn pin, kết hợp dòng điện cao (dạng roi điện) bằng kim loại màu đen, dài khoảng 50cm.

- 01 (một) cây kiếm có vỏ màu nâu, cán quân bằng dây màu tím, chiều dài kiếm có vỏ là 80cm, lưỡi kiếm bằng kim loại màu trắng dài 30cm.

- 04 (bốn) cây dao bằng kim loại (dạng dao bấm).

*** Tại Kết luận giám định số 2550/C09B ngày 13/5/2020 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:**

- 01 (một) cây súng bằng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765 gửi giám định nguyên là súng đồ chơi nguy hiểm được chế tạo lại thành súng có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

- 17 (mười bảy) viên đạn gửi giám định là đạn thể thao, cỡ 5,6mm x 15,6mm, không phải là vũ khí quân dụng.

- 01 (một) cây súng bằng kim loại màu đen còn lại gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng.

- 189 (một tám chín) viên kim loại hình cầu gửi giám định là loại đạn của súng đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng.

*** Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 267/2020/KLGĐ ngày 30/10/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Tống Văn P như sau:**

Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại, đương sự có bệnh lý tâm thần: Giai đoạn trầm cảm vừa (F32.1-ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

*** Công văn số 267.0/PYTT ngày 30/10/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Tống Văn P:**

Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSTKG-P1 ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Tống Văn P về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tống Văn P về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và nhận định: Hành vi phạm tội của

bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ vũ khí trái phép là bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý mua súng kim loại về cất giấu tại nơi ở của mình, việc làm của bị cáo là rất nguy hiểm, bất cần có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm q, r và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn P – **Mức án từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù.**

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu 01 (một) cây súng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765 và đã giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang quản lý, sử dụng theo Lệnh nhập kho số 43/NTL-PKT ngày 01/9/2020.

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 02 ngày 04/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

* *Luật sư D phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thêm cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện giao nộp vũ khí cho cơ quan công an; bản thân bị cáo có bệnh lý tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ chồng đã ly hôn và hiện đang nuôi hai con nhỏ và mẹ già... Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, q, r khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để có điều kiện nuôi hai con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Vào cuối năm 2017, thông qua mạng xã hội Facebook, Tống Văn P liên hệ với một người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) đặt mua một cây súng bằng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765 cùng với khoảng 18 viên đạn với số tiền là 4.000.000 đồng. Sau đó, P đem vào phòng ngủ cất giấu trong tủ đựng quần áo. Khoảng cuối năm 2019, P lấy khẩu súng và đạn ra phía sau hành lang nhà phố 02 tầng, sau đó P đem súng và đạn vào phòng ngủ cất giấu tiếp. Đến ngày 25/02/2020 P thực hiện hành vi “Giết người”, bị Công an huyện Q mời làm việc và P tự nguyện khai nhận đang tàng trữ súng, đạn và một số hung khí khác và tự nguyện giao nộp cho Công an; qua kiểm tra thu giữ tại nhà bị cáo 02 cây súng bằng kim loại; 17 viên đạn và một số vật chứng khác.

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để HĐXX kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Tống Văn P về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước. Vũ khí quân dụng là loại vũ khí mang tính sát thương rất cao, việc sử dụng vũ khí chỉ được sử dụng trong công tác đảm bảo an ninh quốc phòng và các lĩnh vực khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật... cá nhân không được phép sở hữu vũ khí. Mọi hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ...Mà bất kì ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ vũ khí trái phép là Nhà nước cấm nhưng vẫn cố ý mua súng kim loại về cất giấu tại nơi ở của mình, việc làm này của bị cáo là hết sức nguy hiểm, bất cứ lúc nào bất cẩn cũng có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú hành vi phạm tội; hiện tại bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tự nguyện giao nộp vũ khí cho cơ quan công

an; bản thân bị cáo có bệnh lý tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ chồng đã ly hôn và hiện đang nuôi hai con nhỏ và mẹ già... HĐXX nghĩ nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, q và r khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án vừa phải như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm q, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị mức án xử phạt bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Luật sư D: Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức án mà Luật sư đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo thấp hơn mức án đề nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) cây súng kim loại màu đen, trên thân súng có chữ và số: 17Q08765 đã giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang quản lý, sử dụng.

- Các vật chứng còn lại liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy, theo Quyết định chuyển giao số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tổng Văn P** phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304, điểm r, q và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Tổng Văn P – 09 (chín) tháng tù** về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt **08 (tám) năm tù** của Bản án sơ thẩm số 11/2021/HSST ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/02/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/4/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSNDCC tại Tp. HCM (1);
- TANDCC tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (2);
- Bị cáo (1);
- ĐDHP của bị cáo (1);
- Luật sư (1);
- Lưu (7);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang